

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 01 - 2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lâm Thị Ngọc Huyền.
- Bà Lê Nguyễn Huỳnh Anh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Thanh Tòng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 312/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1997. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1991. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Kim A trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2016, chị Nguyễn Thị Kim A với anh Nguyễn Chí H tự quen biết nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Chị Kim A với anh H sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và thật sự ly thân cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Chị Kim A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để chung sống với anh H được nữa. Nay chị Kim A yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị **Kim A** với anh **H** chung sống với nhau có 01 con chung tên **Nguyễn Hải Đ**, sinh ngày 16/7/2017, con chung hiện đang sống với chị **Kim A**. Chị **Kim A** yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên **Nguyễn Hải Đ** và yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi con chung tên **Nguyễn Hải Đ** đủ 18 tuổi tự lao động, sinh sống được.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Nguyễn Chí H** trình bày:

- Về hôn nhân: Anh **H** thống nhất với lời trình bày của chị **Kim A** về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Anh **H** với chị **Kim A** không có đăng ký kết hôn với nhau. Anh **H** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để chung sống với chị **Kim A** được nữa. Nay chị **Kim A** xin ly hôn anh **H** đồng ý, không thống nhất đoàn tụ.

- Về con chung: Anh **H** với chị **Kim A** chung sống với nhau có 01 con chung tên **Nguyễn Hải Đ**, sinh ngày 16/7/2017, hiện đang sống với chị **Kim A**. Anh **H** đồng ý giao con chung tên **Nguyễn Hải Đ** cho chị **Kim A** được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh **H** đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên **Nguyễn Hải Đ** mỗi tháng là 1.500.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2024, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 29 tháng 8 năm 2023 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh **Nguyễn Chí H**, địa chỉ: **Số A, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị **Nguyễn Thị Kim A** và anh **Nguyễn Chí H** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, chị **Kim A** vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

cho rằng: Chị **Kim A** và anh **H** tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Do cuộc sống vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **Kim A** và anh **H** đã ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Nay chị **Kim A** yêu cầu được ly hôn với anh **H**. Anh **H** có đơn xin vắng mặt nhưng theo biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì anh **H** đồng ý ly hôn với chị **Kim A**. Do chị **Kim A** và anh **H** không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

1. “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”

Theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“ 1. **N**, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....”.

Do hôn nhân của chị **Kim A** với anh **H** không đăng ký kết hôn nên pháp luật không công nhận chị **Kim A** với anh **H** là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị **Kim A** với anh **H** chung sống với nhau có 01 con chung tên **Nguyễn Hải Đ**, sinh ngày 16/7/2017, hiện đang sống chung với chị **Kim A**. Chị **Kim A** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Hải Đ**. Anh **H** thống nhất theo yêu cầu của chị **Kim A** và đồng ý giao con chung tên **Nguyễn Hải Đ** cho chị **Kim A** được tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao con chung tên **Nguyễn Hải Đ** cho chị **Kim A** trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Kim A** yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tự lao động, sinh sống được. Anh **H** đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên **Nguyễn Hải Đ** mỗi tháng là 1.500.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tự lao động, sinh sống được nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Kim A** với anh **H** thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Kim A** phải chịu án phí theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị **Nguyễn Thị Kim A** nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm a khoản Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị **Nguyễn Thị Kim A** với anh **Nguyễn Chí H** là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị **Nguyễn Thị Kim A** được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Hải Đ**, sinh ngày 16/7/2017 (Hiện con chung tên **Nguyễn Hải Đ** đang sống với chị **Kim A**). Anh **Nguyễn Chí H** cấp dưỡng nuôi con chung tên **Nguyễn Hải Đ** mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi con chung tên **Nguyễn Hải Đ** đủ 18 tuổi tự lao động, sinh sống được.

Chị **Nguyễn Thị Kim A** với anh **Nguyễn Chí H** có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên **Nguyễn Hải Đ**, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh **Nguyễn Chí H** được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị **Nguyễn Thị Kim A** với anh **Nguyễn Chí H** thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị **Nguyễn Thị Kim A** với anh **Nguyễn Chí H** thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị **Nguyễn Thị Kim A** nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003876 ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim A, anh Nguyễn Chí H vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THA dân sự huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Phước